

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2024/HS-ST
Ngày: 25/4/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Trình

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Kim Lan
2. Bà Nguyễn Thị Bé Em

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Vương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Thư – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 14/2024/TLST-HS ngày 07/3/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2024/QĐXXST-HS ngày 05/4/2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Khoa T, sinh năm 1990 tại tỉnh Bến Tre; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **Ấp P, xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre**; chỗ ở hiện nay: **ấp Ô, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre**; trình độ văn hóa: 11/12; nghề nghiệp: không; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Khoa N**, sinh năm 1966 và bà **Lê Thị Ngọc N1**, sinh năm 1972; vợ: **Trần Thị Tuyết M**; sinh năm: 1989; con: có 01 người con sinh năm 2017.

Tiền án: không;

Tiền sự: có 08 tiền sự:

- Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 01 ngày 20/02/2017 của **Ủy ban nhân dân xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre** xử phạt vi phạm hành chính đối với **Nguyễn Khoa T** số tiền 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, bị can chưa nộp phạt;

- Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn số 93/QĐ-UBND ngày 07/4/2017 của **Ủy ban nhân dân xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre** ra đối với **Nguyễn Khoa T** do có hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy, thời hạn 03 tháng kể từ ngày 07/4/2017, đến ngày 09/6/2017 chấm dứt biện việc áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn do **T** tiếp tục có hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy;

- Quyết định Áp dụng biện pháp xử lý hành chính số 23/QĐ-TA ngày 19/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam Quyết định áp dụng biện pháp xử

lý hành chính đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với **Nguyễn Khoa T** thời hạn thời hạn 18 tháng từ ngày 21/7/2017 đến ngày 21/11/2018;

- Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn số 17/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của **Ủy ban nhân dân xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre** đối với **Nguyễn Khoa T** thời hạn 03 tháng từ ngày 31/01/2019, đến ngày 02/5/2019 chấp hành xong quyết định;

- Quyết định Áp dụng biện pháp xử lý hành chính số 27/QĐ-TA ngày 19/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với **Nguyễn Khoa T** thời hạn thời hạn 18 tháng từ ngày 10/12/2019, đến ngày 10/02/2021 chấp hành xong;

- Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn số 26/QĐ-UBND ngày 05/3/2021 của **Ủy ban nhân dân xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre** đối với **Nguyễn Khoa T** thời hạn 03 tháng kể từ ngày 05/3/2021;

- Quyết định Áp dụng biện pháp xử lý hành chính số 03/QĐ-TA ngày 21/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với **Nguyễn Khoa T** thời hạn thời hạn 12 tháng từ ngày 29/3/2022 đến ngày 14/02/2023 chấp hành xong;

- Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 222/QĐ-XPHC ngày 31/7/2023 của **Ủy ban nhân dân xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre** ra xử phạt vi phạm hành chính đối với **Nguyễn Khoa T** số tiền 2.500.000 đồng về hành vi Trộm cắp tài sản, bị can chưa nộp phạt;

Nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 34/QĐ-XPHC ngày 03/3/2024 của **Công an thành phố B** ra xử phạt vi phạm hành chính đối với **Nguyễn Khoa T** số tiền 2.500.000 đồng về hành vi Trộm cắp tài sản.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 17/11/2023 cho đến nay, có mặt.

- *Bị hại:*

1. **Trần Thị Mỹ L**, sinh năm 1964; nơi cư trú: **Số B, Khu phố D, thị trấn M, huyện M, tỉnh Bến Tre**. Vắng mặt

2. **Nguyễn Văn T1**, sinh năm 1977; nơi cư trú: **ấp P, xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre**. Vắng mặt

3. **Nguyễn Tiên D**, sinh năm 1964; nơi cư trú: **Số A, Khu phố C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre**. Vắng mặt

4. **Huỳnh Thị Mộng T2**, sinh năm 1970; nơi cư trú: **Số C, khu phố B, Phường F, thành phố B, tỉnh Bến Tre**. Vắng mặt

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. **Lê Văn Tâm E**, sinh năm 1977; nơi cư trú: **ấp Ô, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre**. Vắng mặt

2. **Trần Văn H**, sinh năm 1988; nơi cư trú: **ấp T, xã T, huyện C, thành phố B, tỉnh Bến Tre**. Vắng mặt

3. **Huỳnh Quang H1**, sinh năm 1968 nơi cư trú: **số B đường N, phường A, thành phố B, tỉnh Bến Tre**. Vắng mặt

4. **Phạm Văn L1**, sinh năm 1989; nơi cư trú: **ấp Ô, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre**.
Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Trong khoảng thời gian từ ngày 10/9/2023 đến ngày 12/11/2023, trên địa bàn **thành phố B, huyện M và huyện C, tỉnh Bến Tre** **Nguyễn Khoa T** thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác nhiều vụ như sau:

Vụ thứ nhất:

Khoảng 13 giờ 30 ngày 10/9/2023, **Nguyễn Khoa T** đi bộ trên các tuyến đường nội ô **thị trấn M, huyện M, tỉnh Bến Tre** để xin tiền. Khi ngang **Cửa hàng Q ở Số A, Khu phố B, thị trấn M, huyện M** do bà **Trần Thị Mỹ L**, sinh năm: 1964, ĐKTT: **Số B, Khu phố D, thị trấn M, huyện M** làm chủ, **T** thấy xe mô tô Biển số: 71H6-2629 của bà **L** đang dựng phía trước, trên xe có gắn sẵn chìa khóa và móc một cái nón bảo hiểm ghi chữ Vespas màu trắng, không người trông coi nên nảy sinh ý định lấy trộm. Triều tiếp cận xe, mở khóa, khởi động và điều khiển xe chạy về hướng **thành phố B**. Sau đó, **T** đến khu vực **Bệnh viện Đ, tỉnh Bến Tre**, gửi xe 71H6-2629 vào bãi giữ xe của bệnh viện. Tại bãi giữ xe, **T** lấy trộm một biển số: 71C3-326.02 của một chiếc xe khác gửi trong bãi xe rồi điều khiển xe 71H6-2629 về nhà của **Lê Văn T3** Em (cậu của **T**), sinh năm: 1977 ở **ấp Ô, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre**. Triều lấy biển số: 71C3-326.02 gắn vào xe mô tô vừa trộm được rồi bỏ Biển số: 71H6-2629 cùng bộ phụ tùng của xe gồm: 02 chìa khóa, 01 kiềm, 01 tua vít, giấy chứng nhận đăng ký vào túi vải treo lên бага giữa của xe. Triều sử dụng xe mô tô trộm đã được gắn biển số: 71C3-326.02 làm phương tiện đi lại trong ngày 11 và ngày 12/9/2023. Đến chiều ngày 12/9/2023, **T** điều khiển xe trộm được đến **thành phố B** dự định trộm bình ắc quy của xe đạp điện thì bị **Công an P1, thành phố B** mời làm việc, **T** khai nhận hành vi phạm tội trộm cắp xe mô tô biển số: 71H6-2629.

Vật chứng thu giữ: do **Nguyễn Khoa T** giao nộp: 01 (một) xe mô tô gắn Biển số: 71C3-326.02, nhãn hiệu: Honda, loại xe: Wave S, màu sơn: đen-xám; Số máy: JC43E-0610386; Số khung: RLHJC43119Y075635; 01 (một) Biển số xe: 71H6-2629; 01 (một) Giấy đăng ký xe Biển số: 71H6-2629 tên chủ sở hữu **Trần Thị Mỹ L**; 01 (một) khóa hai đầu: đầu 10 - đầu 12; 01 (một) khóa hai đầu: đầu 14 - đầu 17; 01 (một) kèm kim loại màu trắng; 01 (một) tua vít cán bằng nhựa, màu đen; 01 (một) đôi dép nhựa màu đen, có chữ DUWA; 01 (một) áo sơ mi tay dài, sọc caro trắng- nâu, ghi chữ HOTLUSTIS; 01 (một) quần Jean dài, màu đen.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 33/KL-HĐĐGTS ngày 13/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự **huyện M, tỉnh Bến Tre** kết luận: 01 (một) xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu: Honda, số loại: Wave S, dung tích: 109cm³, màu sơn: đen-xám; Số máy: 3E-0610386; Số khung: 19Y-075635; Biển số: 71H6 - 2629, đã qua sử dụng, trị giá tài sản vào ngày 10/9/2023: 7.000.000 đồng; 01 (một) nón bảo hiểm màu trắng viền đen, có chữ “Vespas”, trị giá tài sản vào ngày 10/9/2023: 20.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 7.020.000 đồng.

Vụ thứ hai:

Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 23/9/2023, Nguyễn Khoa T thuê xe ôm (không rõ họ tên) đi từ nhà T ở ấp Ô, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre đến Bệnh viện Đ, tỉnh Bến Tre tìm tài sản lấy trộm. Đến khu vực phía sau Khoa Ngoại tổng quát, T nhìn qua cửa sổ Phòng số 8 thấy ông Nguyễn Văn T1, sinh năm: 1977, ĐKTT: ấp P, xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre ngủ ở giường cạnh cửa sổ, bên cạnh có 01 (một) túi vải màu đen. T đưa tay vào bên trong kéo dây khóa của túi vải lấy 01 (một) ví da, 01 (một) chìa khóa xe và 01 (một) hàm răng giả. Triệu lục tìm phát hiện trong ví da có Giấy đăng ký xe, thẻ giữ xe Biển số: 71B3-432.94 nên vào bãi giữ xe của Bệnh viện tìm xe mô tô Biển số: 71B3-432.94 lấy trộm xe và điều khiển xe đến huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Triệu ghé vào Tiệm cầm đồ Tiến Phát ở số A, Lưu Bình H2, tổ D, ấp T, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cầm xe lấy trộm được cho anh Trần Văn H (chủ Tiệm cầm đồ Tiến Phát), sinh năm: 1988 được 10.000.000 đồng và tiêu xài hết. Các tài sản khác gồm: ví da, Giấy phép lái xe, Giấy đăng ký xe mô tô Triệu ném bỏ trên đường đi. Đối với 01 hàm răng giả Triệu ném bỏ phía sau Phòng số 8, Khoa Ngoại tổng quát Bệnh viện Đ.

Vật chứng thu giữ: do anh Trần Văn H giao nộp: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu: Honda, số loại: Future FI, màu sơn: xanh – xám, Biển số: 71B3-432.94, số máy: JC76E0132521, Số khung: 7612GZ088267; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 145338, tên chủ xe: Đoàn Thị H3 (vợ ông Nguyễn Văn T1), sinh năm: 1983, ĐKTT: ấp P, xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre; 01 (một) Bản photo Căn cước công dân số 083098007100 mang tên Mai Tiểu P.

Tại Kết luận định giá tài sản số 897/KL-HĐĐG ngày 25/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố B kết luận: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu: Honda, số loại: Future FI, màu: xanh xám, Số máy: JC76E0132521, Số khung: 7612GZ088267, Biển số: 71B3-432.94, trị giá tài sản ngày 23/9/2023: 11.500.000 đồng; 01 (một) bốp da màu đen, trị giá tài sản ngày 23/9/2023: 10.000 đồng; 01 (một) hàm răng giả gồm 10 cái răng, trị giá tài sản ngày 23/9/2023: 2.500.000 đồng. Tổng giá trị tài sản: 14.010.000 đồng.

Vụ thứ ba:

Khoảng 15 giờ, ngày 20/10/2023, Nguyễn Khoa T đi bộ trên Quốc lộ F theo hướng từ B tỉnh Bến Tre đến thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre, đến đoạn trước nhà số A, khu phố C, thị trấn C, huyện C của ông Võ Văn Y, sinh năm: 1963, T nhìn thấy phía trước cửa nhà có dựng 01 xe mô tô nhãn hiệu: Honda, loại xe: Astrea, Biển số: 71B3-007.32, của ông Nguyễn Tiên D, sinh năm: 1964, ĐKTT: số A, khu phố C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre, trên xe có gắn sẵn chìa khóa nên nảy sinh ý định lấy trộm. Triệu tiếp cận xe, khởi động xe điều khiển xe chạy về nhà của Phạm Văn L1, sinh năm: 1989, ĐKTT: ấp Ông C, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre nhờ L1 bán giúp với giá 1.500.000 đồng. Triệu nói dối với L1 là xe của mẹ T mua không có giấy tờ, nhờ L1 tháo bỏ biển số 71B3-007.32 do xe gắn biển số giả và bán xe dưới dạng xe không có giấy tờ. Sau khi T về, Lâm tháo và vứt bỏ biển số ở khu vực cầu K ở xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre. Khi bị lực lượng Công an phát hiện, T thừa nhận hành vi phạm tội của mình, L1 đã tìm biển số xe và giao nộp lại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C.

Vật chứng thu giữ:

Do **Phạm Văn L1** giao nộp: 01 (một) xe mô tô không biển số, nhãn hiệu: Honda, loại xe: Astrea, màu sơn: đen, Số máy: NDE1139582, Số khung: OOOPPK039862; 01 (một) Biển số xe: 71B3-007.32 đã tháo ra (xe của bị hại **D**).

Do **Nguyễn Khoa T** giao nộp trang phục của **T** gồm: 01 (một) áo sơ mi vải, tay dài, màu trắng, đã cũ; 01 (một) nón bảo hiểm màu xanh, đã cũ; 01 (một) đôi dép tông màu xanh, đã cũ.

Tại Kết luận định giá tài sản số 2072/KL-HĐĐG của Hội đồng định giá tài sản **huyện C** kết luận: 01 (một) xe mô tô Biển số: 71B3-007.32, nhãn hiệu: Honda, loại xe: Astrea (Dream lùn), màu sơn: đen, mua vào năm 2016, giá trị tài sản ngày 20/10/2023: 5.000.000 đồng.

Vụ thứ tư:

Khoảng 10 giờ ngày 12/11/2023, **Nguyễn Khoa T** đi bộ từ phường E đến phường A thành phố B, đến khu vực trước Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ1 Chi nhánh Đ2, tỉnh Bến Tre (**B**) ở số E, đại lộ Đ, khu phố A, phường A, thành phố B, **T** ngồi nghỉ mệt ở ghế đá trên vỉa hè. Một lúc sau, nhìn thấy bà **Huỳnh Thị Mộng T2**, sinh năm: 1970, ĐKTT: **số C, khu phố B, phường F, thành phố B**, điều khiển xe mô tô nhãn hiệu: YAMAHA, loại xe: Sirius FI, màu sơn: đen-đỏ, Biển số: 71B2-159.89 đến trụ ATM trước **B**, đậu phía ngoài và đi vào bên trong trụ ATM rút tiền, chìa khoá vẫn gắn trên xe và treo trên xe một túi vải nên **T** nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Triều tiếp cận xe, khởi động, điều khiển xe chạy về hướng **cầu H**. Triều bán xe biển số: 71B2-159.89 cho người nam thanh niên tên **T1** (không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể) ở khu vực **xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long** được 4.000.000 đồng còn điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F9 (lúc bị cáo chiếm đoạt điện thoại để trong túi vải), **T** bán cho ông **Huỳnh Quang H1**, sinh năm: 1968, ĐKTT: **số B, đường N, phường A, thành phố B** được 350.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết.

Đối với **Huỳnh Quang H1**, sau khi mua điện thoại Triều bán, **H1** biết điện thoại trên của bà **T2** nên đã trả lại cho bà **T2**.

Vật chứng thu giữ: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F9, màu tím, màn hình bị vỡ, Số IMEI 1: 866376048983735; Số seri: TONJJVTGFILRZS5H. (Do **Huỳnh Thị Mộng T2** giao nộp). Đối với xe mô tô Biển số: 71B2-159.89 hiện chưa thu hồi được.

Tại Kết luận định giá tài sản số 1001/KL-HĐĐG ngày 30/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự **thành phố B** kết luận: 01 (một) xe mô tô, biển số: 71B2-159.89; nhãn hiệu: YAMAHA, loại xe: Sirius FI, màu sơn: đen-đỏ, số máy: 1FC3-018616, số khung: FC30EY018619, trị giá tài sản ngày 12/11/2023: 10.000.000 đồng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F9, màu tím (đã qua sử dụng) trị giá tài sản ngày 12/11/2023: 1.600.000 đồng; 01 (một) túi vải đựng đồ sinh hoạt: không xác định được giá trị. Tổng giá trị tài sản: 11.600.000 đồng.

Ngoài các lần phạm tội nêu trên, đối với vụ trộm cắp tài sản Triều thực hiện ngày 11/6/2023, do giá trị tài sản 500.000 đồng, không đủ định lượng để truy cứu

trách nhiệm hình sự. Thời điểm này, **T** chưa bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản; chưa có tiền án về các tội quy định tại các Điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và Điều 290 của Bộ luật Hình sự nên ngày 03/3/2024 **Công an thành phố B** đã ra Quyết định số 34/QĐ-XPHC xử phạt hành chính **Nguyễn Khoa T** đúng quy định pháp luật.

Quá trình điều tra, **Nguyễn Khoa T** đã khai nhận hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai của các bị hại, lời khai của người có nghĩa vụ và quyền lợi liên quan, vật thu giữ và các chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập.

Tại cáo trạng số 18/CT-VKSTPBT ngày 07/03/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre đã truy tố bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung cáo trạng và đề nghị: Về hình phạt chính: áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Về hình phạt bổ sung: đề nghị không áp dụng.

Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận:

Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện M** đã trả lại cho bị hại **Trần Thị Mỹ L** 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu: Honda, loại xe: Wave S; Biển số xe: 71H6-2629; 01 (một) Giấy đăng ký xe Biển số 71H6-2629 tên chủ sở hữu **Trần Thị Mỹ L**; 01 (một) khóa hai đầu: đầu 10 - đầu 12; 01 (một) khóa hai đầu: đầu 14 – đầu 17; 01 (một) kèm kim loại màu trắng; 01 (một) tua vít cán màu đen; trả lại cho **Nguyễn Khoa T**: 01 (một) đôi dép nhựa màu đen, có chữ DUWA; 01 (một) áo sơ mi tay dài, sọc caro trắng- nâu, ghi chữ HOTLUSTIS; 01 (một) quần Jean dài, màu đen.

Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố B** đã trả cho bị hại **Nguyễn Văn T1** 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Future FI, màu sơn: xanh – xám, Biển số: 71B3-432.94; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 145338 tên chủ xe **Đoàn Thị H3**; Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố B** đã trả cho bị hại **Huỳnh Thị Mộng T2** 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F9, màu tím, màn hình bị vỡ.

Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện C** đã trả lại cho bị hại **Nguyễn Tiến D** 01 (một) xe mô tô không biển số, nhãn hiệu Honda, màu: đen; 01 (một) Biển số xe 71B3-007.32.

Ghi nhận các bị hại **L**, **H3**, **D**, không yêu cầu bị cáo bồi thường khoản nào khác, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan **Huỳnh Quang H1** không yêu cầu bị can bồi thường số tiền 350.000 đồng ông bỏ ra mua điện thoại sau đó bị thu hồi.

Buộc bị cáo bồi thường cho bị hại **Huỳnh Thị Mộng T2** số tiền 10.000.000 đồng.

Buộc bị cáo bồi thường cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan **Trần Văn H** số tiền 10.000.000 đồng.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) áo sơ mi trắng tay dài; 01 (một) đôi dép tổ ong, 01 (một) nón bảo hiểm màu xanh.

Đối với Biển số: 71C3-326.02 **Công an huyện M** đang tạm giữ nên không đề cập xử lý trong vụ án này.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố. Bị cáo không khiếu nại các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra **công an thành phố B**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa trong quá trình điều tra, họ đã có lời khai đầy đủ, rõ ràng, sự vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ là phù hợp quy định tại Điều 292, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người tham gia tố tụng và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra, đủ cơ sở xác định: Trong khoảng thời gian từ ngày 10/9/2023 đến ngày 12/11/2023, trên địa bàn **thành phố B, huyện M và huyện C, tỉnh Bến Tre** **Nguyễn Khoa T** đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác nhiều vụ, cụ thể:

Vụ thứ nhất: khoảng 13 giờ 30 ngày 10/9/2023 tại shop quần áo **A ở Số A, Khu phố B, thị trấn M, huyện M, Nguyễn Khoa T** chiếm đoạt của bà **Trần Thị Mỹ L** 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại: Wave S, Biển số: 71H6 - 2629, trị giá: 7.000.000 đồng; 01 (một) nón bảo hiểm màu trắng viền đen, có chữ “Vespas”, trị giá 20.000 đồng. Tổng giá trị tài sản **T** chiếm đoạt của bà **L** là 7.020.000 đồng.

Vụ thứ hai: khoảng 22 giờ 30 phút ngày 23/9/2023 tại trong Phòng số 8, Khoa Ngoại tổng quát, **Bệnh viện Đ, tỉnh Bến Tre** **Nguyễn Khoa T** chiếm đoạt của ông **Nguyễn Văn T1** 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu: Honda, số loại: Future FI, Biển số: 71B3-432.94 trị giá: 11.500.000 đồng; 01 (một) bóp da màu đen, trị giá: 10.000 đồng; 01 (một) hàm răng giả gồm 10 cái răng, trị giá: 2.500.000 đồng. Tổng giá trị tài sản **Triều** chiếm đoạt của ông **T1** là 14.010.000 đồng.

Vụ thứ ba: khoảng 15 giờ, ngày 20/10/2023 tại khu vực trước Nhà số A, Khu phố C, thị trấn C, huyện C tỉnh Bến Tre Nguyễn Khoa T chiếm đoạt của ông Nguyễn Tiến D 01 (một) xe mô tô Biển số 71B3-007.32, hiệu Honda, loại xe ASTREA (Ream lùn), màu sơn đen, mua vào năm 2016 (đã qua sử dụng) trị giá 5.000.000 đồng.

Vụ thứ tư: khoảng 10 giờ ngày 12/11/2023 tại khu vực trước B ở Số E, Đại lộ D, Khu phố A, phường A, thành phố B, Nguyễn Khoa T chiếm đoạt của bà Huỳnh Thị Mộng T2 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu: YAMAHA, loại xe: Sirius FI, Biển số 71B2-159.89, trị giá 10.000.000 đồng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F9, màu tím, trị giá 1.600.000 đồng. Tổng giá trị tài sản T chiếm đoạt của bà T2 là 11.600.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản Triệu chiếm đoạt của 04 bị hại: 37.630.000 đồng.

[3] Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận biết rõ hành vi của mình bị pháp luật cấm xuất phát từ động cơ tư lợi bất chính, bị cáo đã một mình cố ý lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại, giá trị tài sản chiếm đoạt 37.630.000 đồng. Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre đã truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng luật định.

[4] Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, lợi dụng chủ sở hữu thiếu cảnh giác trong việc quản lý tài sản đã thực hiện hành vi phạm tội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn. Khi bị cáo thực hiện tội phạm đã gây ra tâm lý lo sợ cho quần chúng nhân dân trong lao động, trong sinh hoạt hàng ngày.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân xấu, bị cáo không có tiền án nhưng có 08 tiền sự. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự bị cáo phải chịu tình tiết “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ: “Người phạm tội thành khẩn khai báo” và “Có nghĩa vụ nuôi con chưa thành niên” theo quy định tại các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi bị cáo gây ra, xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: do bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận:

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M đã trả lại cho bị hại Trần Thị Mỹ L 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu: Honda, loại xe: Wave S; Biển số xe: 71H6-2629; 01 (một) Giấy đăng ký xe Biển số 71H6-2629 tên chủ sở hữu Trần Thị Mỹ L; 01 (một) khóa hai đầu: đầu 10 - đầu 12; 01 (một) khóa hai đầu: đầu 14 – đầu 17; 01 (một) kèm kim loại màu trắng; 01 (một) tua vít cán màu đen; trả lại cho Nguyễn Khoa T: 01

(một) đôi dép nhựa màu đen, có chữ DUWA; 01 (một) áo sơ mi tay dài, sọc caro trắng- nâu, ghi chữ HOTLUSTIS; 01 (một) quần Jean dài, màu đen.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả cho bị hại Nguyễn Văn T1 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Future FI, màu sơn: xanh – xám, Biển số: 71B3-432.94; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 145338 tên chủ xe Đoàn Thị H3; Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả cho bị hại Huỳnh Thị Mộng T2 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F9, màu tím, màn hình bị vỡ.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã trả lại cho bị hại Nguyễn Tiến D 01 (một) xe mô tô không biển số, nhãn hiệu Honda, màu: đen; 01 (một) Biển số xe 71B3-007.32.

Ghi nhận các bị hại L, T1, H3, D, không yêu cầu bị cáo bồi thường khoản nào khác, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Huỳnh Quang H1 không yêu cầu bị can bồi thường số tiền 350.000 đồng ông bỏ ra mua điện thoại sau đó bị thu hồi.

Buộc bị cáo bồi thường cho bị hại Huỳnh Thị Mộng T2 số tiền 10.000.000 đồng.

Buộc bị cáo bồi thường cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Trần Văn H số tiền 10.000.000 đồng.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) áo sơ mi trắng tay dài; 01 (một) đôi dép tổ ong, 01 (một) nón bảo hiểm màu xanh.

Đối với biển số: 71C3-326.02 hiện do Công an huyện M đang tạm giữ nên không đề cập xử lý trong vụ án này.

[8.1] Đối với vụ trộm cắp tài sản Triệu thực hiện ngày 11/6/2023 là không cấu thành tội phạm nên ngày 03/3/2024 Công an thành phố B đã ra Quyết định số 34/QĐ-XPHC xử phạt hành chính Nguyễn Khoa T là phù hợp nên ghi nhận.

[8.2] Đối với việc bị cáo khai trong thời gian tháng 10, 11/2023 tại phường F, thành phố B bị cáo có thực hiện 01 vụ trộm nhưng sau đó bị cáo khai dối lời khai cho rằng vụ trộm này là không có; Cơ quan điều tra không chứng minh được có vụ trộm này và bị cáo có thực hiện vụ trộm này nên không đề cập, xử lý trong vụ án này.

[8.3] Đối với việc bị cáo khai bị cáo thực hiện vụ trộm ngày 23/9/2023 tại Bệnh viện đa khoa Nguyễn Đình C1, tỉnh Bến Tre cùng với Nguyễn Hoàng T4 nhưng sau đó bị cáo thay đổi lời khai và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B chưa làm việc được với T4 nên kiến nghị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B tiếp tục xác minh, làm rõ để xử lý theo quy định.

[8.4] Đối với Lê Văn T3 Em khi cho bị cáo gửi xe mô tô gắn Biển số: 71C3-326.02, nhãn hiệu: Honda, loại xe: Wave S, màu đen; đối với Phạm Văn L1 có hành vi cho bị cáo gửi xe và tìm người bán xe cho bị cáo; đối với Trần Văn H khi mua xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại: Future FI, màu sơn: xanh – xám, Biển số: 71B3-432.94; đối với Huỳnh Quang H1 khi mua điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F9,

màu tím nhưng **Tâm E, L1, H** và **H1** không biết đây là tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên cơ quan có thẩm quyền không truy cứu trách nhiệm hình sự là phù hợp.

[8.5] Đối với Nam thanh niên tên **T1** ở **xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long, T** khai bán xe mô tô Biển số: 71B2-159.89; nhãn hiệu: YAMAHA, loại xe: Sirius FI, màu sơn: đen-đỏ, Số máy: 1FC3-018616, Số khung: FC30EY018619 cho người này giá 4.000.000 đồng nhưng Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố B** chưa làm việc được nên kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố B** tiếp tục xác minh, làm rõ, xử lý theo quy định.

[9] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, hình phạt, xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp là phù hợp nên được chấp nhận.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm bị cáo phải nộp theo quy định của Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Điều 23; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Khoa T** phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Nguyễn Khoa T** 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/11/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự:

Buộc bị cáo bồi thường cho bị hại **Huỳnh Thị Mộng T2** số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng.

Buộc bị cáo bồi thường cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan **Trần Văn H** số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền chưa được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp: áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy: 01 (một) áo sơ mi trắng tay dài (đã cũ); 01 (một) đôi dép tổ ong(đã cũ), 01 (một) nón bảo hiểm màu xanh(đã cũ). *Vật chứng hiện do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre quản lý.*

4. Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Điều 23; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo **Nguyễn Khoa T** phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm bị cáo **Nguyễn Khoa T** phải nộp 1.000.000 (một triệu) đồng.

5. Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Cơ quan điều tra CATP Bến Tre (1b);
- Cơ quan THAHS CATP Bến Tre (1b);
- Chi cục THA dân sự thành phố Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND xã Thạnh Ngải, H.MCB (1b);
- UBND xã Cẩm Sơn, H.MCN (1b);
- Bị cáo, Bị hại, NCQLNVLQ (9b);
- Bộ phận thi hành án Hình sự (3b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Văn Trình